

Ảnh Hòa Tấn



Chi phí nghiên cứu phát triển của các công ty đa quốc gia trong chính sách định giá chuyển giao

PGS. TS. NGUYỄN VĂN TRÌNH & TS. PHAN ĐỨC DŨNG

Các công ty đa quốc gia tiến hành các hoạt động kinh doanh trên phạm vi nhiều quốc gia bằng cách hoặc là trực tiếp, thông qua các chi nhánh, hoặc là gián tiếp thông qua các công ty con. Dù dưới hình thức nào chăng nữa, hoạt động của các công ty trong một công ty đa quốc gia hiếm khi độc lập một cách hoàn toàn đối với các kết quả từ các nghiệp vụ xảy ra giữa các công ty này. Giá của hàng hóa, dịch vụ hay vốn là giá mà tại đó chúng được trao đổi giữa các bên có liên kết, giá chuyển giao được xác định bởi chính sách định giá chuyển giao được sử dụng trong một tập đoàn có liên kết.

Bất kỳ một hệ thống định giá chuyển giao nào trong một công ty đa quốc gia cũng tạo ra doanh thu nội địa và những chi phí ghi nhận đối với hàng hóa dịch vụ được chuyển giao giữa các đơn vị trong công ty phải được loại trừ để tính toán thu nhập tương đối phù hợp cho toàn công ty.

Vì các công ty đa quốc gia thực hiện chính sách giá mang tính toàn cầu, nằm trong chiến lược phát triển và tồn tại của các công ty đó cùng với hệ thống kế toán đang tồn tại. Nếu ai đó nghĩ rằng chính sách định giá chuyển giao chỉ ảnh hưởng đến những công ty lớn thì chưa hẳn là vậy, bởi vì quy mô hoạt động của một công ty là không quan trọng. Điều kiện duy nhất để thực hiện chính sách định giá chuyển giao là sự tồn tại môi trường pháp lý khác nhau trong những quốc gia mà công ty có quan hệ mậu dịch và đầu tư.

Các nghiệp vụ chuyển giao trong nội bộ công ty đa quốc gia có nội dung rất phong phú và đa dạng, chẳng hạn, vấn đề bán tài sản hữu hình, bán máy móc thiết bị, bán hàng tồn kho, chuyển giao các tài sản vô hình, cung ứng dịch vụ, tài trợ cho các nghiệp vụ kinh doanh... Đối với tài sản góp vốn trong liên doanh, phía đối tác Việt Nam góp vốn chủ yếu bằng quyền sử dụng đất, giá trị

của nhà xưởng đã có sẵn, còn bên đối tác nước ngoài góp vốn bằng vật tư thiết bị, những tài sản vô hình như nhãn hiệu, bản quyền thương hiệu, bí quyết công nghệ... Việc lợi dụng sự thiếu thông tin về giá cả và chất lượng của phía đối tác Việt Nam, hay nói đúng hơn là lợi dụng lúc đầu Việt Nam chưa có cơ quan thẩm định về kỹ thuật và giá cả của thiết bị, các đối tác nước ngoài đã đưa vào liên doanh những sản phẩm công nghệ cũ, lạc hậu, không đồng bộ và kê khai giá cao hơn nhiều so với giá thực tế. Hiện tượng kê khai giá cao hơn giá thực tế lại càng phổ biến hơn đối với các tài sản vô hình, loại tài sản mà việc định giá lại càng phức tạp hơn so với những tài sản hữu hình. Hơn nữa "giá thị trường quốc tế" là một khái niệm rất chung chung, rất khó xác định và cũng chưa rõ là sẽ xác định trên cơ sở nào. Kể hồ này trong Luật đầu tư nước ngoài đã bị đối tác nước ngoài lợi dụng để nâng giá máy móc thiết bị và bí

quyết công nghệ, làm tăng giá trị góp vốn của họ trong các liên doanh.

Ở đây chúng tôi xin đề cập đến vấn đề tài sản vô hình, trong đó, có khoản chi phí nghiên cứu và phát triển – những khoản chi phí phục vụ cho các công trình nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, chế tạo sản phẩm mới. Mục đích chi phí là đem lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp, thông qua việc tạo ra sản phẩm mới, hay cải tiến đáng kể sản phẩm hiện hữu. Thế nhưng trong thực tiễn, không phải lúc nào cũng đạt được mục đích này. Chính vì vậy, phương pháp hạch toán chi phí nghiên cứu có khác biệt đáng kể giữa các quốc gia. Một số quốc gia cho phép “vốn hóa” các chi phí này, như các quốc gia châu Âu lục địa, một số quốc gia khác chỉ xem chi phí nghiên cứu phát triển như chi phí thời khóa mà không cho vốn hóa chúng như Mỹ.

Theo Quyết định 206 ngày 12.12.2003, riêng các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp nếu thỏa mãn được bảy điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
- Doanh nghiệp dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;
- Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho tài sản cố định vô hình.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu thiết kế, xây dựng, sản

xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không được xác định là tài sản cố định vô hình mà hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi đối chiếu giữa IAS 9 với quy định của Việt Nam, theo IAS 9: nghiên cứu là công việc được thực hiện có kế hoạch trước, nhằm thu được hiểu biết về khoa học kỹ thuật có thể hữu dụng trong việc phát triển sản phẩm mới hay cải tiến đáng kể sản phẩm hiện hữu. Trong khi đó, kế toán Việt Nam quy định chi phí nghiên cứu và phát triển là chi phí doanh nghiệp tự thực hiện các công trình quy mô về nghiên cứu, lập các kế hoạch dài hạn, để đầu tư và phát triển nhằm đem lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp.

Từ một số hạn chế trên, chúng tôi thiết nghĩ trong quá trình hoàn thiện môi trường tài chính, kế toán Việt Nam nên có quy định cụ thể hơn về điều kiện vốn hóa chi phí nghiên cứu phát triển, bởi lẽ đây là một loại tài sản vô hình khá đặc biệt. Tại các quốc gia cho phép vốn hóa các chi phí này, như Pháp, thường đưa ra các tiêu chuẩn cụ thể cho thuật ngữ “Mang lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp,” với điều kiện để được vốn hóa như sau:

- Sản phẩm hay quy trình được định nghĩa rõ ràng, và có thể hạch toán riêng biệt chi phí.
 - Phải chứng minh tính khả thi về mặt kỹ thuật của sản phẩm hay quy trình sản xuất mới.
 - Có thị trường tiêu thụ trong tương lai về sản phẩm hay quy trình này.
 - Có đủ tài nguyên để sản xuất ra các sản phẩm này.
- Cùng phối hợp đồng bộ với các chính sách về thuế như:
- Đơn giản hóa chính sách thuế đối với đầu tư nước ngoài, quy định một thuế suất pháp định duy nhất đối với đầu tư nước ngoài.

- Xóa bỏ toàn bộ các chính sách miễn giảm thuế cho đầu tư nước ngoài vì những chính sách đó không có hiệu quả mà chỉ làm lợi cho ngân sách của nước đầu tư.

- Áp dụng chính sách thuế bình đẳng giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước. Nghiên cứu áp dụng thuế suất tương đồng với các nước trên thế giới và trong khu vực để hòa nhập môi trường đầu tư quốc tế. Theo khảo sát chung mức thuế lợi tức phổ biến tại các nước nằm trong khoảng 20%- 25% (Luật thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực từ 1.1.2004 quy định thuế suất đối với doanh nghiệp trong nước là 28%). Đồng thời trong luật thuế Việt Nam, quan điểm lý luận về việc xác lập quyền đánh thuế chưa được xác định rõ. Theo thông lệ quốc tế luật thuế các nước xác định rõ ràng quan điểm đánh thuế theo các nguyên tắc quốc tịch, lãnh thổ hoặc nơi cư trú. Thông thường chính sách thuế được chia thành hai hệ thống: thuế đối với đối tượng cư trú và thuế đối với đối tượng nước ngoài không cư trú tại Việt Nam.

- Đối với đối tượng không cư trú, quyền đánh thuế của quốc gia được xác lập theo nguyên tắc chủ quyền lãnh thổ.

- Đối với đối tượng cư trú, quyền đánh thuế của quốc gia được xác lập theo nguyên tắc quốc tịch hay căn cứ vào mối quan hệ kinh tế, xã hội của chủ thể nộp thuế đối với quốc gia đó.

Trong quá trình thực hiện Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân Việt Nam nên vận dụng những thông lệ pháp lý trên đưa vào luật thuế. Luật cần xác định cụ thể các chế định về đối tượng cư trú, cơ sở thường trú, nguồn phát sinh thu nhập, quốc tịch. Việc ban hành Luật thuế khấu trừ tại nguồn sẽ là một giải pháp hữu ích điều tiết thu nhập phát sinh tại Việt Nam của các đối tượng nước ngoài không cư trú. Cụ thể là để quản lý các công ty xuyên quốc gia, chống hiện tượng trốn thuế thông qua giá giao dịch nội bộ giữa các công ty trong một tập đoàn, Việt Nam cần nghiên cứu hoàn thiện các biện pháp hạn chế chính sách chuyển giá ■